

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 17-7-2020.

V/v tranh chấp: “*Ly hôn, nuôi con,  
chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phan Văn Huyện

2/ Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 13, 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2020/TLPT-HNGĐ ngày 04/6/2020 về việc tranh chấp: “*Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 431/2019/HN-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 344/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Huỳnh Thị M, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Ủy quyền về phần tài sản cho bà Trần Thị Kim P - sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn VB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang

*Bị đơn:* Nguyễn Văn U, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Ủy quyền về phần tài sản cho bà Nguyễn Minh Hoàng H - sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: khu phố M, Phường K, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1/ Ông Phan Văn H, sinh năm 1965. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã TT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1956. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LB, xã YL, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

3/ Ông La Quốc Minh, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 85/58 đường BMT, phường H, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông Dương Tiến Th - sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PQ, xã VH, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

5/ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: số 02 LH, quận BD, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Trịnh Ngọc Kh – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền lại: ông Bùi Trung T – Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện GCT (vắng mặt)

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:*

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: 143B khu phố L, thị trấn VB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

2/ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1971. (vắng mặt)

3/ Bà Điều Thị Cẩm H - sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp TH, xã TT, huyện GCT, Tiền Giang.

4/ Bà Huỳnh Thị Ch, sinh năm 1948. (có mặt)

5/ Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1960. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp MPB, xã HMP, huyện CB, Tiền Giang

6/ Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1951. (có mặt)

Địa chỉ: ấp MPA, xã HMP, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn U.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

### **Theo án sơ thẩm:**

*Nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn U tổ chức lễ cưới vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 24/9/2015 âm lịch thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2017, ông U xây chuồng trại để chăn nuôi và ông đã ra đó

để sống riêng nên bà và ông U đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà M yêu cầu xin ly hôn với ông U.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên Nguyễn Huỳnh Ngọc T - sinh năm 1994 và Nguyễn Huỳnh Ngọc T – sinh ngày 11/10/2004. Hiện cháu T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, còn cháu T đang sống với ông Út. Khi ly hôn bà M đồng ý để ông U tiếp tục nuôi cháu T, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Gồm có:

+ Diện tích 5.450,5m<sup>2</sup>, loại đất lúa thuộc thửa đất số 629, tờ bản đồ số 8 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03663 ngày 20/7/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên. Nguồn gốc đất là do nhận chuyển nhượng, nguồn tiền do bà M bán các thửa đất ở huyện Cái Bè mà cha mẹ bà đã cho bà để mua, ông U không bỏ ra chi phí khi nhận chuyển nhượng thửa đất này. Đất tại ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

+ Diện tích 980m<sup>2</sup>, loại đất lúa, phần đất này do bà M nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T vào năm 1996 với giá 8.000.000 đồng. Bà đã giao đủ tiền và ông T cũng đã giao đất cho bà và ông U canh tác cho đến nay. Hiện chưa làm thủ tục sang tên. Nguồn tiền mua đất này là của cha mẹ ruột bà M cho, ông U không bỏ ra chi phí. Đất tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

+ Phần đất diện tích khoảng 3.700m<sup>2</sup> (trong đó có nền nhà ở) loại đất thổ + cây lâu năm + ruộng. Hiện phần đất này đang thế chấp tại Ngân hàng. Đất tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Bà M yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông T đối với phần đất diện tích 980m<sup>2</sup>; Chia đôi tài sản chung là tất cả các thửa đất nêu trên theo qui định và có xem xét đến công sức đóng góp của bà trong việc tạo lập đôi với thửa đất 629 và công sức đóng góp của ông U đối với thửa đất thổ và cây lâu năm. Bà M yêu cầu được nhận thửa đất số 629.

- Về nợ chung: Bà và ông U có nợ bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị Th, bà Huỳnh Thị Ch mỗi người 2 chỉ vàng 24k vào năm 2014. Bà M yêu cầu chia đôi số nợ này.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn U trình bày:* Ông thống nhất với ý kiến của bà M về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, sống ly thân và mâu thuẫn giữa ông với bà M. Ông U đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên Nguyễn Huỳnh Ngọc T - sinh năm 1994 và Nguyễn Huỳnh Ngọc T – sinh ngày 11/10/2004. Hiện cháu T đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết, còn cháu T đang sống với ông. Khi ly hôn ông U đồng ý tiếp tục nuôi cháu T, ông yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng theo qui định pháp luật.

- Về tài sản chung: Gồm có:

+ Diện tích 5.450,5m<sup>2</sup>, loại đất lúa thuộc thửa đất số 629, tờ bản đồ số 8 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03663 ngày 20/7/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên. Đất tại ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

+ Diện tích 980m<sup>2</sup>, loại đất lúa, phần đất này nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T. Hiện chưa làm thủ tục sang tên. Đất tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Đối với phần đất diện tích khoảng 3.700m<sup>2</sup>, loại đất thổ + cây lâu năm + ruộng do ông đứng tên quyền sử dụng đất. Phần đất này do cha mẹ ông cho riêng ông vào năm 1990, cho trước khi cưới bà M nên đây là tài sản riêng của ông. Đất tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Khi ly hôn, ông yêu cầu được chia đôi 2 phần đất diện tích 5.450,5m<sup>2</sup> và 980m<sup>2</sup>, ông yêu cầu được nhận đất và giao tiền lại cho bà M. Ông không đồng ý chia phần đất 3.700m<sup>2</sup>.

- Về nợ chung: Gồm có:

+ Nợ ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện GCT 200.000.000 đồng.

+ Nợ ông Dương Tiến Th 134.490.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi gà và tiền thuốc thú y.

+ Nợ ông La Quốc M 110.000.000 đồng tiền mượn để mua gà giống và sửa chữa chuồng gà.

+ Nợ bà Nguyễn Thị Ph 20.000.000 đồng tiền vịt con và gà con.

+ Nợ ông Phạm Văn H 6.000.000 đồng tiền mượn.

+ Nợ ông Nguyễn Văn T 60.237.000 đồng.

+ Nợ bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị Th, bà Huỳnh Thị Ch mỗi người 2 chỉ vàng 24k vào năm 2014.

Ngoài ra, không còn nợ ai khác. Ông U yêu cầu chia đôi số nợ nêu trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B trình bày:* Ông U và bà M có nợ bà 2 chỉ vàng 24k, ông Út và bà Muốn đồng ý trả cho bà nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thum trình bày:* ông U và bà M có nợ bà 2 chỉ vàng 24k, ông U và bà M đồng ý trả cho bà nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Chg trình bày:* Ông U và bà M có nợ bà 2 chỉ vàng 24k, ông U và bà M đồng ý trả cho bà nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Ph trình bày:* Trước đây bà có bán cho ông Nguyễn Văn U gà con và vịt con, ông U còn nợ bà số tiền 20.000.000 đồng. Lúc đó, ông U và bà M vẫn còn chung sống cùng lo kinh tế gia đình. Nay ông U và bà M ly hôn, bà yêu cầu ông U và bà M cùng trả cho bà số nợ, mỗi người trả 50% số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Dương Tiến Th trình bày:* Từ năm 2015 đến năm 2018, ông có bán thức ăn chăn nuôi cho ông U. Đến ngày 03/3/2018, ông và ông U đối chiếu nợ thì ông U còn nợ lại ông số tiền 134.490.000 đồng. Nay ông U và bà M ly hôn, ông yêu cầu ông U và bà M cùng trả cho ông số nợ, mỗi người trả 50% số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông La Quốc M trình bày:* Năm 2016, ông có cho ông U và bà M mượn số tiền 116.000.000 đồng, ông U đã trả được 6.000.000 đồng. Hiện còn nợ lại 110.000.000 đồng. Nay ông U và bà Muồn ly hôn, ông yêu cầu ông U và bà M cùng trả số nợ trên, mỗi người trả 50% số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Phạm Văn H trình bày:* Năm 2017, ông có cho ông U mượn số tiền 6.000.000 đồng. Nay ông U và bà M ly hôn, ông yêu cầu ông U và bà M cùng trả cho bà số nợ, mỗi người trả 50% số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện GCT trình bày:* Ngày 30/5/2018, Ngân hàng có giải quyết cho ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M vay vốn theo nội dung: Số hợp đồng tín dụng 1805HMTD680 (6905-LAV-201803830); phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng; hạn mức tín dụng tối đa 200.000.000 đồng; thời hạn hạn mức 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Nhận nợ lần 1 ngày 30/5/2018 số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay chăn nuôi 10 con bò nái, thời hạn cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 15/5/2023, lãi suất cho vay 11,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất đối với lãi chậm trả 10%/năm, phí trả nợ trước hạn, phí khác, thực hiện theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mức lãi suất cho vay thỏa thuận thay đổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Tiền Giang phù hợp với Quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từng thời kỳ. Phân kỳ trả nợ gốc 5 kỳ gồm: kỳ 1 ngày 15/5/2019 trả 30.000.000 đồng; kỳ 2 ngày 15/5/2020 trả 30.000.000 đồng; kỳ 3 ngày 15/5/2021 trả 30.000.000 đồng; kỳ 4 ngày 15/5/2022 trả 30.000.000 đồng; kỳ 5 ngày 15/5/2023 trả 30.000.000 đồng. Phân kỳ trả lãi cùng kỳ trả nợ gốc. Chưa trả nợ gốc và lãi hiện vẫn còn dư nợ là 150.000.000 đồng. Hợp đồng trên đã quá hạn phân kỳ thứ 1 từ ngày 15/5/2019 cho đến nay.

Nhận nợ lần 2 ngày 31/7/2018 số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích vay mua tử thờ, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 15/7/2019, lãi cho vay 11,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất đối với lãi chậm trả 10%/năm; phí trả nợ trước hạn, phí khác thực hiện theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mức lãi suất cho vay thỏa thuận thay đổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Tiền Giang phù hợp với Quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từng thời kỳ. Phân kỳ trả lãi cùng kỳ trả nợ gốc, chưa trả nợ gốc hiện vẫn còn dư nợ 50.000.000 đồng. Hợp đồng trên đã quá hạn từ ngày 15/7/2019 cho đến nay.

Hình thức bảo đảm tiền vay thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03663, diện tích 5.450,5m<sup>2</sup>, loại đất lúa thừa số 629, tờ bản đồ số 8, địa chỉ ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Trị huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03658, diện tích 1.663,4m<sup>2</sup>, loại đất lúa thừa 105, tờ bản đồ số 11 địa chỉ ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Hai lần nhận nợ trên đều đã quá hạn từ ngày 15/5/2019 và ngày 15/7/2019 đến nay ông U và bà M vẫn chưa trả. Nay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Gò Công Tây yêu cầu: Chấm dứt hợp đồng tín dụng số 1805HMND680 (6905-LAV-201803830) ngày 30/5/2018. Buộc ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng và lãi tính theo hợp đồng vay cho đến khi trả tất nợ (lãi tạm tính đến ngày 31/8/2019 là 29.297.571 đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu quá thời hạn nêu trên ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để cản trừ nợ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông có cửa hàng mua bán thức ăn gia súc, ông U có đến cửa hàng của ông mua thức ăn về chăn nuôi gà, vịt. Việc mua bán bắt đầu cách nay khoảng 10 năm, nhưng năm nào thì ông không nhớ rõ. Ngày 28/8/2017, ông và ông U có đối chiếu nợ, ông U còn nợ ông số tiền 60.237.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ nên ông U hẹn ông khi nào có tiền sẽ trả vì chỗ tình nghĩa nên ông để từ từ ông U trả. Nay ông U và vợ là bà M ly hôn thì ông yêu cầu ông U, bà M cùng trả cho ông số tiền 30.237.000 đồng. Khi giao dịch mua bán thì ông U là người trực tiếp giao dịch với ông, bà M không đứng ra liên hệ hay giao dịch gì với ông, nhưng ông Út và bà M là vợ chồng cùng chăn nuôi để lo cho cuộc sống gia đình của ông bà nên ông yêu cầu vợ chồng cùng trả số nợ trên cho ông. Ông sẽ làm thủ tục khởi kiện ông U, bà M trong thời gian từ ngày 01/10/2019 đến ngày 04/10/2019. Hết thời gian này ông không nộp đơn khởi kiện thì Tòa án hãy giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T và bà Điều Thị Cẩm H trình bày:* Trước đây ông bà có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M 2 thửa đất gồm: Thửa số 149 tờ bản đồ số 2, diện tích 480m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa; Thửa 154, tờ bản đồ số 2, diện tích 500m<sup>2</sup>,

loại đất trồng lúa. Lúc đó ông bà chuyển nhượng giá 7.000.000 đồng/<sup>2</sup> thửa đất. Ông bà đã nhận đủ tiền và giao đất cho vợ chồng ông U canh tác tính đến nay khoảng 15 năm nhưng năm nào thì ông bà không nhớ rõ. Nay ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với 02 phần đất này. Tuy Tòa án quyết định đồng thời ông bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 431/2019/HN-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Các Điều Điều 175, 177, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 46, 55, 33, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Các điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

### **Xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị M.

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U.

2/ Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn U được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc T – sinh ngày 11/10/2004 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được. Bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được. Bà Huỳnh Thị M được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung: chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị M

- Chia cho bà Huỳnh Thị M phần đất thửa 629, tờ bản đồ số 8, diện tích 5.450,5m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 5450,4m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03663 ngày 20/7/2009 do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên, tọa lạc tại ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang, có vị trí:

+ Đông giáp đất ông Phan Lập Thành, đất ông Nguyễn Bửu L

+ Tây giáp đất ông Trần Anh T, đất bà Phan Thị C, đất ông Bùi Phú A, đất ông Phan Công T

+ Nam giáp đất bà Võ Thị V

+ Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn K

(có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho bà Huỳnh Thị M được quản lý, sử dụng thửa đất số 149 (thửa mới 126), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới là 12), diện tích 480,0m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 447,5m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00309 ngày 01/12/2005 do ông Phạm Văn T và bà Điều Thị Cẩm H đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, có vị trí

- + Đông giáp đất ông Phạm Văn B
  - + Tây giáp đất ông Nguyễn Văn U
  - + Nam giáp đất ông Nguyễn Văn U
  - + Bắc giáp đất ông Phạm Hoài T
- (có sơ đồ kèm theo)

- Ông Phạm Văn T và bà Điều Thị Cẩm H có trách nhiệm làm thủ tục sang tên thửa đất số 126 cho bà Huỳnh Thị M đứng tên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Chia cho ông Nguyễn Văn U được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 125 diện tích 2.134,1m<sup>2</sup> từ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03657 ngày 20/7/2009 do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang gồm:

- + Thửa 151 diện tích 810m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 806,2m<sup>2</sup> có vị trí:

Đông giáp đất ông Phạm Văn B, ông Đặng Văn B, bà Nguyễn Thị Ph.

Tây giáp đất ông Nguyễn Văn U

Nam giáp đất ông Phạm Văn B

Bắc giáp đất ông Phạm Văn B

(có sơ đồ kèm theo)

- + Thửa 152 diện tích 680m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 984,6m<sup>2</sup> có vị trí

Đông giáp đất ông Phạm Văn B, ông Đặng Văn B, bà Nguyễn Thị Ph.

Tây giáp đất ông Nguyễn Văn U.

Nam giáp đất ông Phạm Văn B.

Bắc giáp đất ông Phạm Văn B.

(có sơ đồ kèm theo)

- + Thửa 148 diện tích 400m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 343,2m<sup>2</sup> có vị trí:

Đông giáp đất ông Nguyễn Văn U.

Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Đ.

Nam giáp đất ông Nguyễn Văn U.

Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn U.

(có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho ông Nguyễn Văn U được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 105, diện tích 1.770m<sup>2</sup> đo đạc thực tế là 1.663,3m<sup>2</sup> từ bản đồ số 2 (từ bản đồ mới 11), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03658 ngày 20/7/2009, do ông



Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, có vị trí:

- + Đông giáp đất ông Nguyễn Văn U, ông Phạm Văn T
- + Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Đ
- + Nam giáp đất ông Lê Văn U, bà Lê Thị Kim H
- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn U

(có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho ông Nguyễn Văn U được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 145 diện tích 2.300m<sup>2</sup> đo đạc thực tế là 2.168,7m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03659 ngày 20/7/2009 do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, có vị trí:

+ Đông giáp đất ông Phạm Công T, đất ông Phạm Hoài T, đất ông Phạm Văn T

- + Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Đ, đất bà Phạm Thị Ngọc L
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Văn U
- + Bắc giáp đường đá.

( có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho ông Nguyễn Văn U được quản lý sử dụng thửa đất số 154 (thửa mới 175), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 12), diện tích 500,0m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 444,6m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00310 ngày 01/12/2005 do ông Phạm Văn T và bà Điều Thị Cẩm H đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, có vị trí:

- + Đông giáp đất ông Phạm Văn B
- + Tây giáp đất ông Nguyễn Văn U
- + Nam giáp đất ông Lê Văn U, đất ông Lê Văn Ph
- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn U

(có sơ đồ kèm theo)

Ông Phạm Văn T và bà Điều Thị Cẩm H có trách nhiệm làm thủ tục sang tên thửa đất số 154 (thửa mới 175) cho ông Nguyễn Văn U đứng tên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4/ Về nợ chung: ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Th, bà Huỳnh Thị Ch, bà Huỳnh Thị B 6 chỉ vàng 24K cụ thể:

- Buộc ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Th 01 (một) chỉ vàng 24K ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị B 01 (một) chỉ vàng 24K ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Ch 01 (một) chỉ vàng 24K ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Th 01 (một) chỉ vàng 24K ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị B 01 (một) chỉ vàng 24K ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Ch 01 (một) chỉ vàng 24K ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

Buộc bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện GCT số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 26/11/2019 là 36.591.623 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật (ông U trả 118.295.811 đồng, bà M trả 118.295.811 đồng).

Kể từ ngày 27/11/2019 bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 1805HMTD680 (6905-LAV-201803830) ngày 30/5/2018.

Trường hợp bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U không trả nợ xong thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 629, tờ bản đồ số 8, diện tích 5.450,5m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03663 ngày 20/7/2009 do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên và thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.663,4m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03658 ngày 20/7/2009, do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên, để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tiến Th

Buộc bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm liên đới trả cho ông Dương Tiến Th 134.490.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật (bà M trả 67.245.000 đồng, ông U trả 67.245.000 đồng).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph

Buộc bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật (bà M trả 10.000.000 đồng, ông U trả 10.000.000 đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông La Quốc M

Buộc ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả cho ông La Quốc M số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông La Quốc M yêu cầu bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U cùng trả số tiền 110.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H

Buộc ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn H số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H yêu cầu bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U cùng trả số tiền 6.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 09/12/2019, ông Nguyễn Văn U có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không đồng ý chia 4.700m<sup>2</sup> đất ở và cây lâu năm vì đây là đất của cha mẹ ông cho ông; Yêu cầu chia đôi số tiền nợ ông Nguyễn Văn T, La Quốc M, Phạm Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông U giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà M không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông U. Cả hai không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, đối với yêu cầu kháng cáo của ông U không đồng ý chia thừa đất tại các thửa 125, 145, 105 là không có căn cứ, các thửa đất đứng tên ông U và bà M trong thời kỳ hôn nhân, nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Đối với khoản nợ của ông Nguyễn Văn T tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của ông U rút yêu cầu kháng cáo, đề nghị đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu trên. Hai khoản nợ của ông La Quốc M và ông Phạm Văn H là khoản nợ phát sinh trong thời gian giữa ông U và bà M còn chung sống vợ chồng và sử dụng vào mục đích chung của gia đình, đây là nợ chung của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông U, buộc bà M liên đới trả hai khoản nợ của ông M và ông H.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H, ông La Quốc M, bà Nguyễn Thị Ph, ông Dương Tiến Th, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, ông Nguyễn Văn T, Phạm Văn T, bà Điều Thị Cẩm H xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, M, Thịnh, bà Ph, Ngân hàng, ông T, ông T, bà H đúng theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung, chia tài sản chung với ông Nguyễn Văn U. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung, chia tài sản chung đúng theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị M với bị đơn ông Nguyễn Văn U là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn U đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung: ông Nguyễn Văn U có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không đồng ý chia 4.700m<sup>2</sup> đất ở và cây lâu năm vì đây là đất của cha mẹ ông cho ông; Yêu cầu chia đôi số tiền nợ ông Nguyễn Văn T, La Quốc M, Phạm Văn H.

[6] Tại phiên tòa đại diện ủy quyền phân tài sản của ông Nguyễn Văn U rút một phần yêu cầu kháng cáo của ông U đối với yêu cầu bà Huỳnh Thị M trả ½ số tiền nợ của ông Nguyễn Văn T, đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái quy định pháp luật đạo đức xã hội, hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của ông U.

[7] - Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn U không đồng ý chia đối với các thửa đất 125, diện tích 2.134,1m<sup>2</sup> (gồm thửa 151 diện tích 810m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 806,2m<sup>2</sup>; thửa 152 diện tích 680m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 984,6m<sup>2</sup>; thửa 148 diện tích 400m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 343,2m<sup>2</sup>) tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03657 ngày 20/7/2009; thửa 105, diện tích 1.663,4m<sup>2</sup> đo đạc thực tế là 1.663,3m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03658 ngày 20/7/2009; thửa 145 diện tích 2.300m<sup>2</sup> đo đạc thực tế

là 2.168,7m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03659 ngày 20/7/2009, tất cả do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên.

Đây là tài sản ông Út có được trước thời kỳ hôn nhân với bà M do được cha mẹ tặng cho vào năm 1990 nhưng khi cưới bà M thì ông U và bà M cùng sinh sống trên các thửa đất này. Đến năm 2008 ông U và bà M đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nêu trên để ông U và bà M cùng đứng tên quyền sử dụng đất các thửa đất này. Tại phiên tòa phúc thẩm ông U trình bày việc đi làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông làm, ông là người trực tiếp nhận giấy và cất giữ giấy, nhưng ông không có ý kiến gì đối với việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cả ông U và bà M. Thể hiện ông U đã nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng từ thời điểm năm 2008.

Do đó, án sơ thẩm xác định các thửa đất này là tài sản chung của ông U và bà M nên bà M yêu cầu chia là có cơ sở. Tại phiên tòa bà M yêu cầu được nhận thửa đất số 629 diện tích là 5.450,4m<sup>2</sup> có giá trị là 545.040.000 đồng và thửa 149 diện tích 447,5m<sup>2</sup> có giá trị 44.750.000 đồng ít hơn giá trị các thửa đất còn lại là thửa 125, 105 và 154, 145 với giá trị là 854.460.000 đồng nên được chấp nhận. Phía bà M không yêu cầu hoàn tiền giá trị chênh lệch của các thửa đất mà bà M và ông U được chia (do ông U được chia nhiều hơn) nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà M. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông U không có căn cứ không được chấp nhận.

[8] - Đối với yêu cầu kháng cáo của ông U về yêu cầu bà M cùng trả số nợ của ông La Quốc M 110.000.000 đồng và ông Phạm Văn H là 6.000.000 đồng. Tại phiên tòa hai người con của bà M và ông U là cháu T và T trình bày: ông U và bà M trực tiếp chung sống đến năm 2017 mới ly thân sống riêng, đây là khoản nợ ông M và ông H cho rằng ông U mượn vào năm 2016, 2017, phía ông U cũng xác định là tiền mượn và mua thức ăn chăn nuôi, thu nhập từ việc chăn nuôi để trang trải trong gia đình lo cho các con. Tại phiên tòa bà M trình bày bà không biết các khoản nợ trên, nếu biết bà cũng đồng ý trả nợ cùng với ông U. Do đó Hội đồng xét xử xác định đây là số nợ chung phát sinh trong thời gian ông U và bà Muốn vẫn đang chung sống vợ chồng và khoản nợ trên là dùng để chi phí trong gia đình. Yêu cầu kháng cáo của ông U buộc bà M liên đới trả các khoản nợ trên là có căn cứ được hội đồng xét xử chấp nhận

[9] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[10] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với một phần nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[11] Về án phí: do sửa án sơ thẩm nên ông U không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều Điều 175, 177, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng vào các Điều 46, 55, 33, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng các điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

**Xử:** - Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn U về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị M trả ½ số tiền nợ của ông Nguyễn Văn T

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn U đối với yêu cầu bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm liên đới trả số nợ của ông La Quốc M và ông Phan Văn H.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn U đối với việc không đồng ý chia các thửa đất 125, diện tích 2.134,1m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03657 ngày 20/7/2009; thửa 105, diện tích 1.663,4m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03658 ngày 20/7/2009; thửa 145 diện tích 2.300m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03659 ngày 20/7/2009, tất cả do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên.

Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 431/2019/HN-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị M.

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U.

2/ Về con chung: giao cho ông Nguyễn Văn U được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc T – sinh ngày 11/10/2004 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được. Bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T

mỗi tháng là **745.000** đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được. Bà Huỳnh Thị M được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung: chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị M

- Chia cho bà Huỳnh Thị M phần đất thửa 629, tờ bản đồ số 8, diện tích 5.450,5m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 5450,4m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03663 ngày 20/7/2009 do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên, tọa lạc tại ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang, có vị trí:

+ Đông giáp đất ông Phan Lập Th, đất ông Nguyễn Bửu L

+ Tây giáp đất ông Trần Anh T, đất bà Phan Thị C, đất ông Bùi Phú A, đất ông Phan Công T

+ Nam giáp đất bà Võ Thị V

+ Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn K

(có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho bà Huỳnh Thị M được quản lý, sử dụng thửa đất số 149 (thửa mới 126), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới là 12), diện tích 480,0m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 447,5m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00309 ngày 01/12/2005 do ông Phạm Văn T và bà Điều Thị Cẩm H đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, có vị trí

+ Đông giáp đất ông Phạm Văn B

+ Tây giáp đất ông Nguyễn Văn U

+ Nam giáp đất ông Nguyễn Văn U

+ Bắc giáp đất ông Phạm Hoài T

(có sơ đồ kèm theo)

- Ông Phạm Văn T và bà Điều Thị Cẩm H có trách nhiệm làm thủ tục sang tên thửa đất số 126 cho bà Huỳnh Thị M đứng tên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Chia cho ông Nguyễn Văn U được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 125 diện tích 2.134,1m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

H03657 ngày 20/7/2009 do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang gồm:

+ Thửa 151 diện tích  $810\text{m}^2$ , đo đạc thực tế là  $806,2\text{m}^2$  có vị trí:

- Đông giáp đất ông Phạm Văn B, ông Đặng Văn B, bà Nguyễn Thị Ph.
- Tây giáp đất ông Nguyễn Văn U
- Nam giáp đất ông Phạm Văn B
- Bắc giáp đất ông Phạm Văn B

(có sơ đồ kèm theo)

+ Thửa 152 diện tích  $680\text{m}^2$ , đo đạc thực tế là  $984,6\text{m}^2$  có vị trí

- Đông giáp đất ông Phạm Văn B, ông Đặng Văn B, bà Nguyễn Thị Ph
- Tây giáp đất ông Nguyễn Văn U
- Nam giáp đất ông Phạm Văn B
- Bắc giáp đất ông Phạm Văn B

(có sơ đồ kèm theo)

+ Thửa 148 diện tích  $400\text{m}^2$ , đo đạc thực tế là  $343,2\text{m}^2$  có vị trí:

- Đông giáp đất ông Nguyễn Văn U
- Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Đ
- Nam giáp đất ông Nguyễn Văn U
- Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn U.

(có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho ông Nguyễn Văn U được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 105, diện tích  $1.770\text{m}^2$  đo đạc thực tế là  $1.663,3\text{m}^2$  tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03658 ngày 20/7/2009, do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, có vị trí:

+ Đông giáp đất ông Nguyễn Văn U, ông Phạm Văn T

+ Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Đ

+ Nam giáp đất ông Lê Văn U, bà Lê Thị Kim H

+ Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn U



(có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho ông Nguyễn Văn U được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 145 diện tích 2.300m<sup>2</sup> đo đạc thực tế là 2.168,7m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 11), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03659 ngày 20/7/2009 do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, có vị trí:

+ Đông giáp đất ông Phạm Công T, đất ông Phạm Hoài T, đất ông Phạm Văn T

+ Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Đ, đất bà Phạm Thị Ngọc L

+ Nam giáp đất ông Nguyễn Văn U

+ Bắc giáp đường đá.

( có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho ông Nguyễn Văn U được quản lý sử dụng thửa đất số 154 (thửa mới 175), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 12), diện tích 500,0m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế là 444,6m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00310 ngày 01/12/2005 do ông Phạm Văn T và bà Điều Thị Cẩm H đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, có vị trí:

+ Đông giáp đất ông Phạm Văn B

+ Tây giáp đất ông Nguyễn Văn U

+ Nam giáp đất ông Lê Văn U, đất ông Lê Văn Ph

+ Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn U

(có sơ đồ kèm theo)

Ông Phạm Văn T và bà Điều Thị Cẩm H có trách nhiệm làm thủ tục sang tên thửa đất số 154 (thửa mới 175) cho ông Nguyễn Văn U đứng tên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4/ **Về nợ chung:** ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Th, bà Huỳnh Thị Ch, bà Huỳnh Thị B 6 chỉ vàng 24K cụ thể:

- Buộc ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Th 01 (một) chỉ vàng 24K ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị B 01 (một) chỉ vàng 24K ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Ch 01 (một) chỉ vàng 24K ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Th 01 (một) chỉ vàng 24K ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị B 01 (một) chỉ vàng 24K ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Ch 01 (một) chỉ vàng 24K ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

Buộc bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Gò Công Tây số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 26/11/2019 là 36.591.623 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật (ông Út trả 118.295.811 đồng, bà M trả 118.295.811 đồng).

Kể từ ngày 27/11/2019 bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 1805HMTD680 (6905-LAV-201803830) ngày 30/5/2018.

Trường hợp bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U không trả nợ xong thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 629, tờ bản đồ số 8, diện tích 5.450,5m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03663 ngày 20/7/2009 do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên và thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.663,4m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03658 ngày 20/7/2009, do ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị M đứng tên, để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tiến Th

Buộc bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm liên đới trả cho ông Dương Tiến Th 134.490.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu bốn

trăm chín mươi nghìn đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật (bà M trả 67.245.000 đồng, ông U trả 67.245.000 đồng).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph

Buộc bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật (bà M trả 10.000.000 đồng, ông U trả 10.000.000 đồng).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông La Quốc M

Buộc ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả cho ông La Quốc M số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm trả cho ông La Quốc M số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H

Buộc ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn H số tiền 3.000.000 đồng (sáu triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn H số tiền 3.000.000 đồng (sáu triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

#### **5/ Về án phí:**

- Bà Huỳnh Thị M phải chịu **300.000** đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, **300.000** đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và **29.489.400** đồng án phí dân sự trong hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào **4.300.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 40184 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Do đó, bà M còn phải nộp tiếp **25.789.400** đồng (hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

- Ông Nguyễn Văn U phải chịu **41.418.000** đồng (bốn mươi một triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng) án phí dân sự trong hôn nhân sơ thẩm. Ông Út

không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu 0016190 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây

- Hoàn lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam **5.732.439** đồng (năm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0016060 ngày 11/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ph **500.000** đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Ph đã nộp theo biên lai thu số 0016077 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

- Hoàn lại cho ông La Quốc M **2.750.000** đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông M đã nộp theo biên lai thu số 0016050 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

- Hoàn lại cho ông Dương Tiến Th **3.362.250** đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Th đã nộp theo biên lai thu số 0016051 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

- Hoàn lại cho ông Phạm Văn H **300.000** đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0016076 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 17/7/2020 có mặt bà M, ông U và đại diện Viện kiểm sát.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS H Gò Công Tây;
- Tòa án ND H Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Ngọc Tuyên**

